

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Quan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Tài.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Nguyễn Trúc L; địa chỉ: NVL, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: NVL, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Lê Nguyễn Trúc L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T quen nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông T có 01 người con tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 14/11/2010. Bà và ông T sống chung với cha mẹ ruột của bà tại NVL, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long được 02 năm. Năm 2016, ông T mua đất cất nhà tại địa chỉ NVL, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Bà và ông T do tính tình không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh, bà và ông T chấm dứt quan hệ sống chung trên 03 năm nay. Ông T làm nghề xây dựng nên thường xuyên đi xa nhà, còn bà thì bán hàng trên mạng. Mâu thuẫn chủ yếu do ông T đòi bắt và nuôi con gái tên Lê Nguyễn Khánh

V. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình sống chung bà và ông T có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 14/11/2010. Hiện cháu V đang sống chung với bà và bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu giao cháu V cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tường trình ngày 06/9/2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Hữu T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Nguyễn Trúc L chung sống như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông đồng ý chấm dứt chung sống như vợ chồng với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 14/11/2010. Hiện cháu V đang sống chung với bà L, bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T cư trú tại địa NVL, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T chung sống như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Nguyễn Trúc L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết, không công nhận quan hệ giữa bà Linh và ông Nguyễn Hữu T là vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cho nên pháp luật không công nhận bà L và ông T là vợ chồng, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, bà Lê Nguyễn Trúc L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà L và ông T là vợ chồng là có cơ sở chấp nhận, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 14/11/2010 chưa thành niên và hiện nay bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà L và ông T thống nhất giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Căn cứ Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông T về việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Nguyễn Trúc L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con, nên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T khai không có.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T. Giao cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 14/11/2010 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Lê Nguyễn Trúc L và ông Nguyễn Hữu T khai không có.

5. *Về án phí*:

Bà Lê Nguyễn Trúc L chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001413 ngày 10/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quan**